**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần: Kinh tế phát triển nông thôn**

**Mã số: RDE331**

**Số tín chỉ: 3**

**Khoa: Kinh tế**

**Bộ môn phụ trách: Kinh tế ngành**

**Thái Nguyên, 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD  **KHOA**: **KINH TẾ**  **Bộ môn phụ trách**: **Kinh tế ngành** |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần: Kinh tế phát triển nông thôn - Mã học phần**: **RDE331**

**2. Tên Tiếng Anh: Rural Development Economics**

**3. Số tín chỉ:** **03** **tín chỉ (2/1/6)** (02 tín chỉ lý thuyết/ 01 tín chỉ thảo luận/6 tín chỉ tự học)

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Khác: theo quy định.

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS. Nguyễn Văn Công | 0915600500 | [nvcongkt@tueba.edu.vn](mailto:nvcongkt@tueba.edu.vn) |  |
| 2 | TS. Nguyễn Bích Hồng | 0914527585 | Nguyen.bich.hong85@tueba.edu.vn |  |
| 3 | TS. Nguyễn Văn Thông | 0917767969 | [nguyenvanthong@tueba.edu.vn](mailto:nguyenvanthong@tueba.edu.vn) |  |
| 4 | ThS. Hoàng Văn Dư | 0912478555 | [hvdu@tueba.edu.vn](mailto:hvdu@tueba.edu.vn) |  |
| 5 | ThS. Hoàng Thị Thu Hằng | 0974808968 | [thuhang@tueba.edu.vn](mailto:thuhang@tueba.edu.vn) |  |

**6. Mô tả học phần:**

Học phần Kinh tế phát triển nông thôn là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành của chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về nông thôn và phát triển nông thôn, cụ thể:

- Khái niệm về nông thôn, quan hệ giữa nông thôn và thành thị trong phát triển kinh tế, khái niệm về phát triển nông thôn, quan điểm và phương hướng phát triển nông thôn ở nước ta.

- Cơ cấu kinh tế nông thôn, bao gồm bản chất, đặc trưng, nội dung của cơ cấu kinh tế nông thôn, các nhân tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn, phương hướng và giải pháp thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông thôn ở nước ta.

- Các ngành kinh tế cơ bản của nông thôn như nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, thương mại dịch vụ nông thôn, bản chất, vai trò của mỗi ngành, nội dung phát triển chủ yếu của chúng, vai trò của nhà nước trong sự phát triển những ngành kinh tế đó…

- Những vấn đề về phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn: bản chất, vai trò, đặc điểm của hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, nội dung hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn…

**7. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | Kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến các nội dung kinh tế và phát triển khu vực vùng nông thôn của Việt Nam | 1.2; 1.5 CTĐT KTNN-PTNT | 4 |
| 1.4; CTĐT KTPT | 4 |
| **G2** | Phân tích, xác định được các vấn đề trong sự phát triển khu vực nông thôn ở các vùng miền. | 2.4; 2.6 CTĐT KTNN-PTNT | 4 |
| 2.6; CTĐT KTPT | 4 |
| **G3** | Phát triển khả năng làm việc độc lập và nhóm; Vận dung sáng tạo, linh hoạt những chính sách vào phát triển nông nghiệp - nông thôn | 3.2; 3.4 CTĐT KTNN-PTNT | 5 |
| 3.3; CTĐT KTPT | 5 |

**8. Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **G1** | **G1.1** | - Nắm vững được các vấn đề cơ bản của khái niệm nông thôn, nắm vững được chủ thể của nông thôn và các mặt hoạt động chủ yếu của nông thôn, vai trò của nông thôn trong sự phát triển kinh tế nói chung, phân biệt được sự khác nhau giữa nông thôn và thành thị và quan hệ giữa chúng trong quá trình phát triển. | 1.2 CTĐT KTNN-PTNT | 2 |
|  |  |  |  |
| **G1.2** | - Phân tích được cơ cấu kinh tế cơ bản của nông thôn theo các ngành nghề, theo vùng lãnh thổ và theo các thành phần kinh tế, nội dung và đặc điểm của từng ngành nghề, tầm quan trọng của việc nghiên cứu từng loại cơ cấu, tầm quan trọng của sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn và phương hướng dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn. | 1.5 CTĐT KTNN-PTNT | 4 |
| **G1.3** | - Phân tích được tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của kết cấu hạ tầng nông thôn trong phát triển kinh tế. | 1.5 CTĐT KTNN-PTNT | 4 |
| **G1.4** | - Hiểu được tầm quan trọng của môi trường và quản lý môi trường trong phát triển nông thôn. | 1.2 CTĐT KTNN-PTNT | 2 |
|  | 1.4; CTĐT KTPT | 2 |
| **G2** | **G2.1** | - Có kỹ năng nhận dạng, phân tích và đánh giá được mối liên quan của vấn đề đó đối với các vấn đề phát triển nông thôn và đề xuất được những giải pháp đúng đắn. | 2.4 CTĐT KTNN-PTNT; | 4 |
| 2.6; CTĐT KTPT | 4 |
| **G2.2** | - Có kỹ năng lập và phân tích các chính sách phát triển nông thôn. | 2.6 CTĐT KTNN-PTNT; | 4 |
| **G3** | **G3.1** | - Có năng lực tự chủ trong tiếp cận nông thôn và năng lực triển khai tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động phát triển nông thôn. | 3.2 CTĐT KTNN-PTNT | 5 |
| **G3.2** | Hiểu, được các nội dung, vấn đề cốt lõi về kinh tế nông nghiệp và khu vực nông thôn; vận dụng sáng tạo, linh hoạt những chính sách vào phát triển nông nghiệp - nông thôn | 3.4 CTĐT KTNN-PTNT | 5 |
| 3.3; CTĐT KTPT |  |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận*** *(nếu có)*

***9.3. Phần khác*** *(nếu có):*

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính*

1. <Vũ Đình Thắng>, <Giáo trình Kinh tế phát triển nông thôn>,< Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội>, <2002>.

*- Tài liệu tham khảo*

1. < Đỗ Quang Quý>,<,Giáo trình Kinh tế Nông nghiệp>,<,Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên>,<2009>.

2. <Wayne Na Fziger>,<Kinh tế học của các nước đang phát triển>, <Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội>, <1998>.

3. <website Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn>,

< <http://www.agroviet.gov.vn/>>

4. <website Bộ Tài nguyên và Môi trường>, < <http://www.monre.gov.vn/>>

**11. Nội dụng giảng dạy chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy**  *(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **Chuẩn đầu ra học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Trình độ năng lực** *(TĐNL đạt được khi kết thúc chương)* | **Phương pháp dạy học** *(Thuyết giảng, thảo luận nhóm...)* | **Phương pháp đánh giá**  *(Kiểm tra quá trình, trắc nghiệm, thuyết trình nhóm,...)* |
| 1, 2, 3, 4, 5, 6 | Giới thiệu đề cương học phần, các hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá  **Chương 1: Tổng quan về phát triển nông thôn**  1.1. Lý luận về nông thôn  1.2. Lý luận về phát triển nông thôn  1.3. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học | G1.1 | 2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 7, 8,9 | Thảo luận 1:  1-Vai trò của nông thôn đối với công nghiệp hóa  2-Hiện tượng dân số nông thôn lớn và tăng nhanh gây ra những vấn đề kinh tế - xã hội gì? | G1.1  G2.1  G3.1 G3.2 | 2  4  5  5 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 10, 11 , 12, 13, 14, 15 | **Chương 2: Cơ cấu kinh tế nông thôn**  2.1. Bản chất và đặc trưng của cơ cấu kinh tế nông thôn  2.2. Nội dung của cơ cấu kinh tế nông thôn  2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn  2.4. Phương hướng và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở Việt Nam | G1.1  G1.2 | 2  4 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 16, 17, 18 | Thảo luận 2:  1-Sự khác nhau giữa cơ cấu kinh tế nông thôn ở vùng núi phía bắc Việt Nam và vùng Đồng bằng sông Hồng. Nguyên nhân?  2-Để thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn cần phải giải quyết những vấn đề gì? | G1.1  G1.2  G2.1  G2.2  G3.1  G3.2 | 2  4  4  3  5  5 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 19, 20, 21 | **Chương 3: Phát triển nông nghiệp**  3.1. Vai trò và đặc điểm của nông nghiệp trong nền kinh tế  3.2. Phát triển nông nghiệp bền vững  3.3.  Những thành tựu phát triển nông nghiệp Việt nam thời kỳ đổi mới | G1.1  G1.4 | 2  2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 22, 23, 24 | Thảo luận 3:  Mối quan hệ giữa hai phân ngành trồng trọt và chăn nuôi trong nông nghiệp. | G1.1  G2.1  G2.2  G3.1 | 2  3  3  5 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 25,26 | **Chương 3: Phát triển nông nghiệp**  3.4. Mục tiêu và những biện pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp | G1.1  G1.4 | 2  2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 27 | **Kiểm tra giữa học phần** | G1.1  G1.2  G1.3 | 2  4  4 | Bài kiểm tra cá nhân | Tự luận |
| 28, 29, 30, 31, 32, 33 | **Chương 4: Phát triển kinh tế công nghiệp nông thôn**  4.1. Bản chất, vai trò của công nghiệp nông thôn  4.2. Thực trạng phát triển công nghiệp nông thôn Việt Nam  4.3. Nội dung của công nghiệp nông thôn  4.4. Những điều kiện chủ yếu để phát triển công nghiệp nông thôn  4.5. Vai trò của Nhà nước trong phát triển công nghiệp nông thôn | G1.3 | 4 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 34, 35, 36 | Thảo luận 4:  1-Các điều kiện cần thiết để phát triển công nghiệp trong nông thôn miền núi phía bắc Việt Nam.  2-Các lợi thế của khu vực miền núi phía Bắc trong phát triển công nghiệp. | G1.3  G2.2  G3.1  G3.2 | 2  3  5  5 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 37, 38, 39, 40, 41 | **Chương 5: Phát triển kinh tế dịch vụ nông thôn**  5.1. Bản chất, vai trò và đặc điểm kinh tế dịch vụ nông thôn  5.2. Phân loại dịch vụ nông thôn  5.3. Các hình thức tổ chức kinh tế dịch vụ nông thôn  5.4. Thực trạng phát triển dịch vụ nông thôn Việt Nam  5.5. Chính sách phát triển kinh tế dịch vụ nông thôn | G1.1  G1.4  G2.1 | 2  2  3 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 42, 43, 44, 45 | **Chương 6: Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn**  6.1. Bản chất, vai  trò và đặc điểm của hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn  6.2. Nội dung của kết cấu hạ tầng nông thôn  6.3. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn  6.4. Các phương thức huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng | G1.1 G1.2  G1.3 | 2  2  4 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 46, 47, 48 | Thảo luận 5  1-Các điều kiện cần thiết để phát triển dịch vụ trong nông thôn miền núi phía bắc Việt Nam.  2-Những khó khăn trong huy động vốn xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn Việt Nam. | G1.1  G2.2  G3.1  G3.2 | 2  4  5  5 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
| 49, 50, 51 | **Chương 7: Quản lý môi trường trong phát triển nông thôn**  7.1. Khái niệm môi trường  7.2. Vai trò của môi trường trong phát triển nông thôn  7.3. Quản lý môi trường trong phát triển nông thôn  7.4. Những biện pháp chủ yếu bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trong phát triển kinh tế nông thôn | G1.1  G1.4 | 3  2 | Thuyết giảng | Kiểm tra quá trình |
| 52, 53, 54 | Thảo luận 6.  1-Áp lực của sự gia tăng dân số đối với kết cấu hạ tầng nông thôn  2-Vai trò của môi trường nông thôn đối với phát triển du lịch | G1.1  G1.3  G2.2  G3.1  G3.2 | 2  4  4  5  5 | Thảo luận nhóm | Thuyết trình nhóm |
|  | **Thi kết thúc học phần** | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4 | 2  4  4  2 |  | Viết tự luận |

**12. Đánh giá kết quả học tập**

***12.1. Thang điểm: 10***

***12.2. Đánh giá quá trình:*** 50%, trong đó:

Kiểm tra thường xuyên: 30% (Thảo luận nhóm 15%, chuyên cần: 15%)

Kiểm tra giữa kỳ: 20%

***12.3. Thi kết thúc học phần: 50%***

***12.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức kiểm tra** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR đánh giá** | **Trình**  **độ**  **năng**  **lực** | **Phương**  **pháp**  **đánh**  **giá** | **Tỷ lệ %** |
| Đánh giá chuyên cần | Đi học đầy đủ, đúng giờ, hăng hái phát biểu xây dựng bài; trả lời câu hỏi về nội dung bài cũ của giảng viên | Từ tiết 1-54 | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G2.1  G2.2  G3.1  G3.2 | 2  4  4  2  4  4  5  5 | Điểm danh; tự luận | 15 |
| Thảo luận nhóm | Làm việc nhóm | Tiết 7,8,9; 16,17,18; 22,23,24; 34,35,36; 46,47,48; 52,53,54 | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4  G2.1  G2.2  G3.1  G3.2 | 2  4  4  2  4  4  5  5 | Thuyết trình nhóm | 15 |
| Bài kiểm tra GK | Kiểm tra giữa học phần | Tiết 27 | G1.1  G1.2  G1.3 | 2  4  4 | Tự luận | 20 |
| Thi KTHP | Thi cuối kỳ | Cuối học kỳ | G1.1  G1.2  G1.3  G1.4 | 2  4  4  2 | Tự luận | 50 |

***12.5. Bảng đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR HP** | **Hình thức kiểm tra** | | | |
| **Đánh giá chuyên cần** | **Thảo luận nhóm** | **KT giữa kỳ** | **Thi kết thúc HP** |
| G1.1 | x | x | x | x |
| G1.2 | x | x | x | x |
| G1.3 | x | x | x | x |
| G1.4 | x | x |  | x |
| G2.1 | x | x |  |  |
| G2.2 | x | x |  |  |
| G3.1 | x | X |  |  |

**13. Các yêu cầu đối với người học:**

- Dự lớp đủ thời gian theo quy định, đi học đúng giờ;

- Thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ các yêu cầu do giảng viên giao;

- Đóng góp ý kiến trong các buổi học, thảo luận nhóm.

**14. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**15. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Trưởng Bộ môn** | **Nhóm biên soạn** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **TS. Bùi Nữ Hoàng Anh** | **TS. Nguyễn Thị Thúy Vân** | **TS. Nguyễn Văn Công** |

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **(**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **(**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |